

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH N

Bản án số 22 /2019/HC-ST

Ngày: 31-10-2019

V/v “ *kiếu kiện hành vi hành chính
không giao quyền sử dụng đất*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi

2. Bà Vũ Thị Mùi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53 /2019/TLST-HC ngày 18 tháng 7 năm 2019 về “*Khiếu kiện hành vi hành chính về việc không giao quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HC ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 337/2019/QĐST-HC ngày 17/10/2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp Tân P, xã Đồi 6, huyện B, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1978 (theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2019) - Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: D597A, tổ 12, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh N (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B

Đại diện theo pháp luật của UBND: Bà Vũ Thị Minh C (Chủ tịch UBND huyện B) Ủy quyền đại diện bà Lương Thị L, Phó Chủ tịch UBND huyện B (theo văn bản ủy quyền số 8315/UBND-NC ngày 30/7/2019)- Có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Văn H– Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện B. (Có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1976

2. Cháu Trần Lê Tú N, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: ấp Tân P, xã Đồi 6, huyện B, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, cháu N: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1978 (theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2019, ngày 29/7/2019) – Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền ông T trình bày:

UBND huyện T (nay là huyện B) đã ban hành quyết định số 309/QĐ-UBH ngày 11/01/1995 về việc giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn Q làm nhà ở, nội dung quyết định là giao quyền sử dụng đất ổn định cho ông Q diện tích $8m \times 32m = 256m^2$. Ông Q có trách nhiệm đăng ký sử dụng đất tại xã S sử dụng đất đúng mục đích và phải hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể: tiền chuyển mục đích sử dụng đất, tiền giá trị vị trí đất, lệ phí địa chính và lệ phí trước bạ.

Thực hiện theo quyết định ông Q đã đăng ký sử dụng đất, nộp lệ phí trước bạ, nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất, tiền lệ phí địa chính, ông đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quyết định. Nhưng UBND huyện T (cũ) chưa giao đất, ông Q khiếu nại nhiều lần liên tục nhưng không được giải quyết. Tháng 8/2003 UBND tỉnh Đồng Nai tách một số xã của huyện T để thành lập huyện B, trong đó xã S trực thuộc huyện B. Đến nay UBND huyện B vẫn chưa giao đất cho ông Q.

Vì vậy ông Q khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính về việc không giao quyền sử dụng đất của UBND huyện Trảng B là trái pháp luật.

- Tại bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Về việc ban hành Quyết định giao đất cho các hộ sử dụng của UBND huyện T: Ngày 15/7/1994, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định số 1604/QĐ-UBT về việc chấp thuận cho Lâm trường N (cũ) chuyển mục đích sử dụng 14.748m² đất trồng rừng để xây dựng nhà ở cho cán bộ, công nhân tại xã H (nay là xã S, huyện B. Vị trí đất nằm trên trục đường H đi Trị A. Tại Điều 3 của quyết định ghi rõ tiêu chuẩn mỗi lô là $8m \times 32m = 256m^2$, các hộ phải nộp tiền giá trị đất, tiền đền bù đất nông nghiệp, lệ phí trước bạ và lệ phí địa chính.

Năm 1995 xét đề nghị của Lâm trường N tại tờ trình số 28/TT ngày 22/9/1994 kèm theo danh sách đề nghị cấp đất thổ cư. UBND huyện T đã ban hành quyết định giao quyền sử dụng đất cho các hộ theo bản đồ phân lô được Phòng địa chính huyện T lập tại 02 khu đất, với tổng số 151 lô đất và Thông báo thu nghĩa vụ tài chính theo giá đất theo quy định.

Ngày 11/01/1995, UBND huyện T đã ban hành quyết định số 309/QĐ-UBH về việc giao đất cho hộ ông Trần Văn Q. Ông Q đã đóng nghĩa vụ tài chính, tuy nhiên qua kiểm tra sơ đồ phân lô đất thổ cư và hiện trạng thì không thể hiện có lô đất được cấp theo quyết định cấp đất của UBND huyện. Ngày 13/10/2016, UBND tỉnh có văn bản số 9618/UBND-CNN với nội dung không đồng ý bố trí giao 36 lô đất trong khu tái định cư tại thị trấn M cho các trường hợp đã có quyết định giao đất nhưng chưa được cấp đất tại xã S theo đề nghị của UBND huyện vì không phù hợp với Luật đất đai. Yêu cầu UBND huyện B rà soát lại toàn bộ việc xét duyệt, giao đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính của từng trường hợp cụ thể và hoàn trả cho các trường hợp đã nộp tiền sử dụng đất nhưng chưa được giao đất.

Thực hiện công văn của UBND tỉnh, ngày 16/01/2017 Ngân hàng Nông nghiệp huyện có kết quả tính toán số tiền lãi theo trần lãi suất cao nhất do Ngân hàng nhà nước quy định cao nhất tại thời điểm các hộ nộp tiền. Tuy nhiên qua kết quả làm việc với các hộ thì các hộ đều không đồng ý với nội dung giải quyết hoàn trả lại số tiền đã đóng và tính lãi từ năm 1995 đến nay cho các hộ.

Do đó UBND huyện đã báo cáo cũng như tiếp tục xin ý kiến của UBND tỉnh xem xét đối với yêu cầu của người khởi kiện. Hiện nay chưa có văn bản chỉ đạo giải quyết để có cơ sở làm việc đối thoại với ông Q khởi kiện tại Tòa án.

** Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

Trường hợp hộ gia đình ông Trần Văn Q nằm trong 36 trường hợp UBND huyện B đã báo cáo UBND tỉnh N nhưng không được chấp nhận đề xuất giao đất. UBND huyện muốn sớm giải quyết cho các hộ dân do có khiếu nại kéo dài.

Thực hiện công văn của UBND tỉnh, ngày 16/01/2017 Ngân hàng Nông nghiệp huyện có kết quả tính toán số tiền lãi theo trần lãi suất cao nhất do Ngân hàng nhà nước quy định cao nhất tại thời điểm các hộ nộp tiền. Tuy nhiên qua kết quả làm việc với các hộ thì các hộ đều không đồng ý với nội dung giải quyết hoàn trả lại số tiền đã đóng và tính lãi từ năm 1995 đến nay cho các hộ.

Do đó UBND huyện đã báo cáo cũng như tiếp tục xin ý kiến của UBND tỉnh xem xét đối với yêu cầu của người khởi kiện. Hiện nay chưa có văn bản chỉ đạo giải quyết để có cơ sở làm việc đối thoại với ông Q khởi kiện tại Tòa án.

** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng là đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 130 Luật TTHC.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với Quyết định số 309/QĐ-UBH ngày 11/01/1995 về việc giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Q là đảm bảo đúng quy định về thẩm quyền, hình thức và nội dung. Gia đình ông Q đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định từ năm 1995. Theo quy định của Luật đất đai năm 1993 thì sau khi có quyết định giao đất, người sử dụng đất đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định thì UBND huyện T (cũ), nay là UBND huyện B phải giao đất cho hộ ông Q là đúng. Tuy nhiên UBND huyện B lại cho rằng: vị trí lô đất giao cho ông Q nằm

ngoài vị trí khu đất của UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích để giao đất cho cán bộ, công nhân viên tại Quyết định số 1604/QĐ-UBT nên không còn đất để giao cho ông Q là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xác định hành vi hành chính của UBND huyện B về việc không giao đất cho hộ ông Trần Văn Q là hành vi trái pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ, nên chấp nhận. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện hành vi về việc giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Q theo Quyết định số 309/QĐ-UBH ngày 11/01/1995 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện B).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Bà Lương Thị L là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện; Ông Lê Văn H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, tất cả đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, 158 Luật Tố tụng hành chính; Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Văn Q khởi kiện hành vi không giao quyền sử dụng đất của UBND huyện B, nên quan hệ tranh chấp được xác định là “*Khiếu kiện hành vi hành chính về việc giao đất*” được quy định tại các Điều 3, 30 và 115 của Luật Tố tụng hành chính.

Đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính được thực hiện bởi UBND huyện B, nên thủ tục giải quyết sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đánh giá tính hợp pháp của hành vi hành chính bị khởi kiện:

Về thẩm quyền giao quyền sử dụng đất: Tại Quyết định số 309/QĐ-UBH của UBND T (cũ) có nội dung: “Nay giao quyền sử dụng đất ổn định cho ông Trần Văn Q diện tích $8m \times 32m = 256m^2$, số lô A 22”. Như vậy, UBND huyện T (cũ), nay là UBND huyện B có thẩm quyền giao quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Q là đúng quy định tại Điều 23, 55 Luật đất đai năm 1993.

Về nội dung: Hành vi hành chính không giao đất cho hộ ông Trần Văn Q: Ngày 15/7/1994 Ủy ban nhân dân tỉnh N ban hành Quyết định số 1604/QĐ-UBT về việc chấp thuận cho Lâm trường N (cũ) chuyển mục đích sử dụng $14.748m^2$ đất trồng rừng để xây dựng nhà ở cho cán bộ, công nhân tại xã H (nay là xã S, huyện B); vị trí đất nằm trên trục đường H đi Trại A (đường 767). Tại Điều 3 của Quyết định ghi rõ tiêu chuẩn mỗi lô là $8m \times 32m = 256m^2$ các hộ phải nộp tiền giá trị đất $2.000đ/m^2$ tiền đền bù đất nông nghiệp là $2kg$ lúa/ m^2 , nộp lệ phí trước bạ và lệ phí địa chính.

Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định giao quyền sử dụng đất cho các hộ dân, theo bản đồ phân lô, được Phòng địa chính huyện T lập tại 02 khu đất, với tổng số 151 lô đất; thông báo thu nghĩa vụ tài chính giá đất theo quy định. Ngày 11/01/1995, UBND huyện T ban hành Quyết định số 309/QĐ-UBH về việc giao cho hộ ông Trần Văn Q lô A22, diện tích $8m \times 32m = 256m^2$, đồng thời yêu cầu ông Q có trách nhiệm đăng ký sử dụng đất tại xã S, sử dụng đất đúng mục đích và phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính. Ông Q đã thực hiện nghĩa vụ tài chính gồm: Tiền giá trị đất, tiền lệ phí trước bạ, tiền lệ phí địa chính và biên lai thu khác với tổng số tiền 1.558.000đ. Tuy nhiên, UBND huyện T nay là UBND huyện B lại không tiến hành giao đất cho hộ ông Q.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật đất đai năm 1993, sau khi ông Q thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo Quyết định thì UBND huyện T (cũ), nay là UBND huyện B phải thực hiện việc giao đất cho hộ ông Q mới đúng theo quy định.

UBND huyện B cho rằng, vị trí lô đất giao cho ông Trần Văn Q nằm ngoài vị trí khu đất của UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích để giao đất cho cán bộ, công nhân viên tại Quyết định số 1604/QĐ-UBT nên không còn đất để giao cho ông Q, trong quá trình giải quyết khiếu nại UBND huyện B có tính toán số tiền bồi thường cho hộ ông Q được tính theo mức trần lãi suất cao nhất do Ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm các hộ nộp tiền năm 1995 là không có cơ sở.

Từ những nhận định trên, xác định hành vi hành chính của UBND huyện B về việc không giao đất cho hộ ông Trần Văn Q là trái pháp luật. Do đó, ông Q khởi kiện yêu cầu UBND huyện B giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Q là có căn cứ, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Q được chấp nhận nên người bị kiện UBND huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo luật định.

[5] Đối với phần trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án nên được chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất theo ý kiến của đại diện ủy quyền người bị kiện không phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 191, Điều 193, khoản 1 Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng khoản Điều 23, Điều 55 Luật đất đai năm 1993; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q.

Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân huyện B (Ủy ban nhân dân huyện T cũ) về việc không giao đất cho hộ ông Trần Văn Q theo Quyết định số 309/QĐ-UBH ngày 11/01/1995 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Ủy ban nhân dân huyện B) là trái pháp luật.

Buộc ủy ban nhân dân huyện B chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Văn Q tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 005433 ngày 05/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh N.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự có đơn xin vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh (01);
- Cục THA dân sự tỉnh (01);
- Đương sự;
- Lưu (02);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Chi